

NÉT ĐẶC SẮC TRONG PHONG CÁCH NGHỆ THUẬT VĂN XUÔI SƠN NAM

Lê Thị Ngân Trang

Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam

TÓM TẮT

Sơn Nam là một nhà văn có nhiều đóng góp cho nền văn xuôi Việt Nam hiện đại. Cảm hứng về văn hóa Nam Bộ chính là hạt nhân phong cách nghệ thuật Sơn Nam. Từ đó, nó chi phối, làm nên nét đặc sắc nghệ thuật văn xuôi Sơn Nam. Phạm vi bài viết đề cập những nét đặc sắc, tiêu biểu trong nghệ thuật văn xuôi của Sơn Nam, bao gồm: bút pháp tinh tế tài hoa, nhiều chi tiết đặc sắc tạo nên một nghệ thuật kể chuyện dung dị nhưng hấp dẫn. Bên cạnh giọng điệu phong phú, đa dạng đan xen lẫn nhau, cách vận dụng thành ngữ, ca dao, dân ca vào tác phẩm một cách nhuần nhuyễn và cách sử dụng ngôn từ đậm sắc phương ngữ Nam Bộ tạo cho văn xuôi Sơn Nam có nét độc đáo riêng biệt giúp nhà văn miệt vườn không lẫn với bất cứ nhà văn nào khác trong dòng văn học dân tộc.

Từ khóa: phong cách, nghệ thuật, văn xuôi, Sơn Nam

Mỗi nhà văn khi cầm bút đều muốn tạo ra cho mình một nét riêng, có phong cách nghệ thuật độc đáo để không thể lẫn với nhà văn khác. Đây chính là sự khẳng định giá trị của mỗi nhà văn trên văn đàn cũng như trong dòng chảy của lịch sử văn học. Sơn Nam – nhà văn miệt vườn Nam Bộ đã tạo cho mình một chỗ đứng, một vị trí trang trọng trên văn đàn cũng như trong lòng người đọc nhờ dấu ấn sắc nét phong cách riêng, độc đáo của mình.

Sơn Nam đến với nghệ thuật từ thời trai trẻ. Ngay từ khi bắt đầu cầm bút, nhà văn 26 tuổi này đã đạt luôn hai giải thưởng của cuộc thi Văn học do Ủy Ban kháng chiến Nam Bộ tổ chức (1952) cho hai tác phẩm đầu tay: giải nhất cho truyện *Bên rừng Cù lao Dung* và giải hai cho *Tây đầu đỏ*. Nhiều ý kiến nhận xét về cảm quan nghệ thuật và giọng điệu riêng của Sơn Nam trong các tác phẩm trước 1954. Từ đó, với ý thức luôn tìm tòi cho mình một cách

viết, một con đường riêng, dần dần Sơn Nam đã khẳng định bản lĩnh nghệ thuật của mình và phát huy được phong cách độc đáo. Có thể thấy phong cách nghệ thuật của Sơn Nam được thể hiện ở một số nét đặc trưng cơ bản như những nét đặc sắc trong nghệ thuật văn xuôi của ông.

1. Bút pháp tài hoa

Tiếp cận với những sáng tác văn chương của Sơn Nam, chúng ta có thể nhận thấy ngòi bút tài hoa, có tài quan sát, *nắm bắt nhanh nhạy những chi tiết đặc sắc, sinh động*. Nhà văn đi sâu vào cuộc sống, nắm rõ, hiểu sâu đối tượng miêu tả. Những điều mắt thấy tai nghe cùng với sự tưởng tượng phong phú, ông có thể tả về cảnh sinh hoạt hay một cảnh săn bắt thú dữ của người Nam Bộ thời mở cõi một cách sinh động: *“Vực một giầy đành dạch, lũng ruột. Thừa cơ hội ấy, con Khịt phá vòng vây chạy nhanh./ Thấy con chó thân yêu vừa thiệt mạng, gan mật ông Năm Tự sôi lên. Chup*

ngọn lao bay trong tay Mười Hy, ông phóng mạnh buông tay. Ngọn lao ghim vào ngực con Khít./ Nó mang ngọn lao mà chạy./ Nhanh như chớp, ông Năm với cây lao cổ phụng – loại lao cong, giống như con phụng, có ngạnh như cái móng – Mũi lao ghim vào hông con Khít, đúng như sự tính toán của ông" [17:257]. Một đoạn văn khác mô tả không khí đô thị trong tình trạng rối ren, chiến tranh, đảo chính, tranh giành quyền lực... đè nặng lên đời sống người dân vùng đô thị, khiến đường phố lúc nào cũng náo động, thiếu sự bình yên "... nhiều giáo viên, giáo sư, nhà báo lớn tuổi bị bắt vì trước họ có đi biểu tình lúc xảy ra phong trào Trần Văn On, biểu tình chống tàu chiến Mỹ ghé Sài Gòn... hoặc tham gia những phong trào cứu đồng bào Sài Gòn bị nạn, nhà cửa cháy" [15:366]. Rất nhiều trang viết đã tái hiện lại "hào khí Nam Bộ" của một thời nhân dân ta trên đường "Nam tiến" mở rộng bờ cõi cũng như một thời đất nước ta trong "dầu sôi lửa bỏng" như vậy.

Sơn Nam còn có *thủ pháp dựng truyện, dựng cảnh đặc sắc*. Nhà văn có một vốn sống phong phú về lịch sử khẩn hoang miền Nam. Thêm vào đó, ông chịu khó nghiên cứu sâu những vấn đề lịch sử, địa lý, thiên nhiên, văn hóa... của vùng đất này. Chính vì vậy, ông đã sử dụng những hiểu biết về cảnh, về người để dựng lên trước mắt người đọc cả một khung cảnh của miền đất với thiên nhiên hoang sơ, dữ dội, thú dữ: cọp, sấu, muỗi, vắt... và những vất vả, nhọc nhằn của con người trên đường đi mở cõi. Trong *Hát bội giữa rừng*, Sơn Nam đã tả cảnh tượng người dân hồ hởi làm sân khấu để xem hát bội. Một hình ảnh thật kỳ lạ nhưng cũng vô cùng cảm động: "Xung quanh sân khấu nọ, mình xóc cù làm vòng thành, góc cù này khít góc kia chừng một

gang tay. Ai muốn coi cứ việc bơi xuống vô vòng rào nọ. Xong xuôi đóng cửa lại. Cọp phải bơi vờ ngổi trên rạch, sấu thì đành ngóng mồi, ngoài vòng. Trong này, mình mình ngổi trên xuống mà coi sáng đêm ăn thua..." [18:207-208]. Nhà văn đã thành công khi mô tả bức tranh của vùng đất Nam Bộ một thời hoang sơ nhưng thơ mộng bằng những chi tiết, hình ảnh được nhà văn chọn lọc kỹ lưỡng: "Kìa, chạy dài tới chân trời một vùng nước bao la, không bến không bờ. Gió thổi dấy lên muôn ngàn ngọn sóng như ngoài biển cả. Vài cánh buồm trắng lơ lửng, theo sau là những đàn quạ như mỗi cánh đang chơi với, cố tìm nơi yên ổn mà đậu. Màu xanh của cỏ dại, màu xanh của lúa tiếp nhau khó phân biệt đâu là ruộng đâu là đất" (Vùng Láng Linh) [8:432].

Đối với nhà văn, dựng truyện là một nghệ thuật quan trọng, dù là truyện ngắn hay truyện dài. Sơn Nam đã sử dụng tài năng của mình để dựng lên một thời hào hùng đi mở cõi của dân tộc. Ngay ở thể ký, tài dựng cảnh của nhà văn cũng đặc sắc, đọc *Hồi ký Sơn Nam*, chúng ta có cảm tưởng như đọc truyện vậy.

Nghệ thuật kể chuyện của Sơn Nam giúp nhà văn dựng truyện thành công. Những câu chuyện kể về những sự việc, những con người bình thường hàng ngày trong hoàn cảnh chiến tranh, dưới ngòi bút của Sơn Nam trở nên hấp dẫn, lôi cuốn người đọc. Trong *Chim quỳên xuống đất*, Sơn Nam đứng ở vị trí trần thuật ở ngôi thứ ba với điểm nhìn bên ngoài kể lại hành trình truân chuyên của một trí thức làm công tác bình dân học vụ dưới thời Pháp thuộc. Nhưng khi kể lại những nỗi niềm của nhân vật Sỹ trước cảnh nước mất nhà tan, ông sử dụng điểm nhìn bên trong: "tiếng gọi của sông núi ở gần ở xa.

Đã đến lúc Sỹ đáp lời, dẫu là tiếng đáp bé bỏng. Chớ quên rằng ta là giống Lạc Hồng... và tâm khảm của Sỹ tuy nát như tương nhưng thấm vào đâu trước bao cảnh tan nát... Họa chẳng một sự thành thoi lẫn lộn trong nỗi lo lắng" [16: 516]. Sự di chuyển điểm nhìn từ bên ngoài của người kể chuyện sang điểm nhìn bên trong của nhân vật làm rõ tâm trạng day dứt, buồn phiền và tâm trạng bất lực của Sỹ trước thực trạng xã hội, trước tình cảnh bi đát của chính bản thân mình. Sơn Nam đứng trên nhiều góc độ, lúc thì ông là người dẫn chuyện, có lúc ông kể lại chuyện mình với nhân vật "tôi". Trong sáng tác của Sơn Nam, có rất nhiều truyện mà nhân vật là "tôi" (*Hình bóng cũ, Chuyện năm xưa, Cao khi U Minh, Câu Bảy Tiếu...*). Đặc biệt nhân vật "tôi" trong hồi ký hấp dẫn người đọc bằng lối kể chuyện hồn nhiên, chân thật nhưng có cái duyên hóm hỉnh rất riêng và độc đáo. Hồi ký Sơn Nam có lúc «tự trào» chính bản thân mình khi nhớ lại chuyến đi thực tế ở chiến khu 9: "Nói về sự «thu hoạch văn nghệ» chuyến đi chiến dịch này, đậm nét trong tôi là thằng bé con và mấy con trâu bên lộ xe, mấy con trâu năm nào ở vùng đất núi Ba Thê, đặng chân trời, tỉnh An Giang. Một chuyến đi giúp cho đôi chân tôi đụng vào mặt đất" [15: 248]. Sơn Nam không bao giờ lớn tiếng, hô hào triết lý nhưng trong mỗi câu chuyện của ông, bao giờ cũng thấp thoáng một triết lý nhân sinh nào đó để lại cho đời.

2. Giọng điệu đan xen nhau tạo nên sự đa dạng và phong phú trong nghệ thuật kể chuyện của văn xuôi Sơn Nam

Giọng điệu nghệ thuật có tầm quan trọng đặc biệt trong quá trình sáng tạo của người nghệ sĩ. Bởi giọng điệu nghệ thuật vừa là yếu tố quyết định thể hiện cái nhìn, bày tỏ thái độ, tình cảm trước hiện thực

cuộc sống vừa là phương tiện giúp người đọc thâm nhập vào thế giới tinh thần của nhà văn. Ngoài ra, giọng điệu nghệ thuật còn là một trong những yếu tố hàng đầu khẳng định sắc diện riêng, góp phần tạo nên phong cách nghệ thuật nhà văn.

Như vậy, mỗi nhà văn có một giọng điệu riêng, từ đó hình thành phong cách trần thuật độc đáo của mình. Giọng điệu trong văn xuôi Sơn Nam đa dạng: giọng văn chủ đạo của nhà văn trong hầu hết các tác phẩm là giọng điệu đều đều, thông thả, chậm rãi; đặc biệt là trong hồi ký, có lúc ông sử dụng giọng điệu cảm thương, buồn bã. Trong *Tháng chạp chim về*, suy nghĩ của nhân vật ông Tư như đang nói hộ lòng tác giả: "Ông Tư nhìn nó. Có lẽ ông nghĩ đến phận mình mà nảy sinh ra mối cảm hoài. Trong con tim già, qua thời gian, giờ đây đã lắng xuống hết bao hưng bạo của thời xuân xanh và đất nước hoang vu..." [19: 215]. Giọng điệu cảm thương này, người đọc có thể bắt gặp trong các tác phẩm như: *Hòn Cổ Tron, Hòn người trong ly rượu...* Độc giả cũng bắt gặp giọng điệu châm biếm nhẹ nhàng, ẩn dẫu sau nụ cười hồn hậu. Trong *Hình bóng cũ* – tác phẩm được nhiều nhà nghiên cứu cho là có tính hiện thực, phê phán xã hội bấy giờ – tác giả kể lại chuyện vợ chồng Henri Nhan là kẻ cơ hội, đã dùng một tay bồi bút – thi sĩ Hoài Hương để phục vụ cho mình trước và sau khi chế độ điền địa thay đổi. Bồi bút-thi sĩ Hoài Hương trước thì viết sai sự thật về tiểu sử lão Henri Nhan, sau thì dùng ngòi bút ca ngợi đoàn Thi Ca Vũ Kịch "Hương sắc 65" của bà Henri dù thực tế không phải vậy. Trong đoạn cuối truyện, nhân vật «tôi» đã bình luận một cách khôi hài nhưng chua chát: "Giữa ông và bà Henri tánh tình hơi xung khắc, nhưng bao nhiêu thói xấu, nét tốt của họ đã bồi bổ qua

lại từ lâu, tạo thành một kiểu hạnh phúc lứa đôi khá bền vững, «nồi nào úp vung nấy». "Họ đã thiện chí giúp tôi về sinh kế, tại sao tôi chưa chịu cảm thông?" [16: 379]. Những truyện *Bức tranh con heo*, *Người bạn triệu phú...* cũng có giọng điệu chỉ trích nhẹ nhàng. Cũng như cách kể chuyện, giọng điệu trong truyện kể của Sơn Nam thay đổi linh hoạt. Khi thì giọng điệu tự nhiên, gần gũi, thân tình như lời thủ thi tâm sự: "... nhắc đến Dương Tử Giang, tôi không thể quên tấm lòng tốt vô hạn của anh. Lúc cuối năm 1954, chân ướt chân ráo lên Sài Gòn để tập tành về báo chí văn nghệ, khi gặp tôi, anh mừng quýnh, rủ đi ăn cơm ở nhà người bạn rồi đưa tôi đến gặp ngay anh Bình Nguyên Lộc (đã mất đầu 10 năm nay) và bảo rằng: Anh Lộc tốt lắm. Chính anh Lộc nói chuyện khá lâu, để làm quen, cho tôi chút ít tiền và khuyên tôi viết cho nhanh, trong đầu óc luôn dự trữ sẵn vài đề tài nào đó..." [15: 233]. Trong *Hình bóng cũ*, *Một cuộc bể dâu...* nhiều đoạn văn kể lể như tâm sự thân tình, khiến người đọc cảm thấy gần gũi hơn với tác giả. Cũng có truyện, tác giả sử dụng giọng điệu hóm hỉnh, hài hước nhưng chứa đựng những thông điệp về tình đời, tình người sâu sắc. Chẳng hạn, truyện *Cao khi U Minh* kể chuyện về nhân vật Hai Khi tự nhận mình là thợ săn khỉ và quảng cáo bán cao khỉ thật hóm hỉnh: «cao khỉ ế ảm lắm vì bà con trong xóm đều chán ngán. Cha của Hai Khi hồi xưa săn khỉ giỏi lắm. Tới đời Hai Khi thì khỉ đã hết, thợ săn khỉ trở thành thợ... nói chuyện đời xưa giữa ban ngày mà đốt đèn sáp trong nhà» [12: 169]. Tác giả nhẹ nhàng lên án tính khoe khoang, khoác lác cùng tính lừa đảo để bán cao khỉ giả của nhân vật Hai Khi. Sự hóm hỉnh, hài hước chúng ta có thể thấy nhiều trong những truyện như *Bà vợ thứ mười*, *Con rắn*, *Hồn*

con mèo... Cũng có truyện, người đọc cảm động vì giọng điệu triết lý, đậm chất suy tư về kiếp người, phận người nơi vùng sông nước. Nhân vật Hai Tích trong *Một cuộc bể dâu*, khi giúp đỡ thằng Kim chôn cất ba nó – người đàn ông bị chết trên đường khi hai cha con lênh đênh trên chiếc ghe, lưu lạc khắp miền sông nước. Trước sự đau đớn, lo âu của thằng Kim, Hai Tích đã dùng những từ ngữ, lời lẽ đằm triết lý duyên phận nhà Phật để an ủi: «Cháu đừng khóc. Trời định vậy. Ở đây ai cũng vậy; người có của, ai tới xứ này? Trách cha, trách mẹ, trách trời là thêm tội. Cháu thấp nhang đi, lạy không được thì xá ba xá. Bác ra tay giúp. Trời chạng vạng, lát nữa tối tăm, khó lắm» [19: 17]. Người đọc sẽ nhận ra giọng điệu triết lý trong nhiều sáng tác của Sơn Nam như *Bác vật xà bông*, *Cô út về rừng*, *Qua hiệu sách...* Là người cầm bút từng trải, chứng kiến những bước thăng trầm của lịch sử, của đời tư con người, bằng tác phẩm, Sơn Nam ghi chép những điều trông thấy và gửi gắm bao niềm tâm sự. Do vậy, cũng có trường hợp, nhà văn sử dụng nhiều giọng điệu trong cùng một tác phẩm. Từ *Hương rừng Cà Mau* cho đến những tác phẩm sau này, để phản ánh cuộc sống phù hợp với quy luật của thời đại; đồng thời có điều kiện đi sâu vào những góc ngách tâm tư của con người và cuộc sống ở Nam Bộ, nhìn nhận vấn đề một cách tổng hòa ở nhiều bình diện của cuộc sống phức tạp, muôn màu muôn vẻ, những bi – hài, thiện – ác... đang diễn ra hàng ngày. Những giọng điệu đan xen nhau đã tạo nên sự đa dạng và phong phú trong nghệ thuật kể chuyện của văn xuôi Sơn Nam.

3. Ngôn từ đậm sắc phương ngữ Nam Bộ

Theo các nhà lý luận thì ngôn ngữ trong tác phẩm văn học là kiểu lời nói nghệ

thuật do nhà văn sáng tạo trên cơ sở sản phẩm ngôn ngữ của xã hội. Như vậy, ngôn từ muốn trở thành ngôn từ nghệ thuật phải qua sự sáng tạo của nhà văn, nghĩa là nhà văn dùng ngôn từ nghệ thuật để sáng tác văn học. Sơn Nam cũng vậy, ông viết truyện không chỉ bằng vốn tri thức lịch lãm của một nhà địa phương học, một nhà khảo cứu, am hiểu tường tận *“tính nét thổ ngòi, sản vật lịch sử và địa bàn cư trú của nhân dân vùng đất Mũi”* mà còn bằng cả tâm hồn của nhà văn nặng lòng với quê hương. Đọc Sơn Nam, độc giả có thể nhận thấy được sức hấp dẫn của lối hành văn và ngôn ngữ mà nhà văn thể hiện.

Đặc điểm nổi bật nhất là Sơn Nam viết văn giản dị như nói chuyện. Ngôn ngữ kể chuyện của nhà văn hay ngôn ngữ nhân vật đều giản dị, đậm chất đời thường của người dân Nam Bộ. Đầu tiên là từ ngữ xưng hô, gọi tên nhân vật mang đậm phong cách Nam Bộ. Người dân miền Nam thường xưng hô theo thứ tự trong gia đình. Cũng như các nhà văn Nam Bộ khác, Sơn Nam luôn đặt tên nhân vật của mình bằng những tên thân thuộc, gần gũi như lão Tư Hiếm, ông Hai Muôn, ông Mười Hấu, cô Hai Thêm, anh Hai Nhiệm, cậu Hai Điền, cậu Hai Minh... những cái tên đi kèm với biệt danh, bí danh gắn với quê hương xứ sở dễ nhớ, dễ phân biệt như Ba Hò, Tư Cờ Đỏ, Tư Bình Thủy, Tư Châu Xương... Ngoài ra, Sơn Nam hay dùng những tên gọi thân mật hàng ngày như thằng Lợi, con Bảy, thằng Nhi, thằng Kim... Đôi khi người đọc còn nhận ra thái độ của tác giả đối với nhân vật khi gọi họ là mụ, con mề... Dù nhân vật là người nông dân hay người trí thức thì ngôn ngữ của họ cũng mộc mạc, chân chất. Trong *Ngày mưa đầu mùa*, nhân vật Tư Lịch nói với nhân vật “tôi”: *“Vô đây nhậu! Cha nội đi rồi hả? Đi thì cho cha nội đi*

tuốt! – Giọng nói của Hai Cọp làm tôi phiền anh quá chừng” [19: 60] hay lời kể chuyện của nhà văn trong Bà Chúa Hòn: *“Cậu Hai Điền đi săn mới về. Dưới sông bọn thủ hạ hò hét ồm tỏi vì uống rượu say mèm. Ông Bá Vạn ngồi trước cửa trong bóng tối để ngắm nghía phong cảnh”* [10: 54]... Đây là đoạn đối thoại khác của các nhân vật trong truyện ngắn Ông già xay lúa, người đọc thấy được cách ăn nói của người Nam Bộ: *“... Ai nấy ngưng đàn ca. Ông Năm vẫn xay lúa rồ rồ... Họ vừa nói vừa cười, cãi cọ qua lại một cách thân ái:/ - Mấy chả gan cùng mình sao kìa! Hôi nào tới giờ họ chưa đặt chân tới xóm mình.../ - Nói bậy đi. Hễ không tới thì chê người ta nhát, kiêu căng. Bây giờ người ta tới thì công kích. Thầy xã này là người có âm đức. Bà của thầy, chú của thầy hồi đó hiền lắm./ Hiền đâu không thấy, chứ tôi hò nghi mấy “chả” toan xét giấy thuế thân dặng mà dằn mặt tui mình”* [19: 157]. Qua đoạn văn trên, chúng ta nhận thấy tính tình hồn nhiên, nghĩ sao nói vậy, không cầu kỳ, hoa mỹ, lời ăn tiếng nói bộc trực, thẳng thắn, không vòng vo... của các nhân vật và từ đó có thể nhận ra hoàn cảnh sống, sinh hoạt của người Nam Bộ trong lao động hàng ngày.

Cách hành văn của Sơn Nam trong sáng. Ông chú trọng sử dụng ngôn ngữ tạo hình, đặc biệt sử dụng nhiều biện pháp so sánh, cách ví von quen thuộc của người Nam Bộ để diễn tả. Trong *Cây huê xà*, tác giả ví von: *“Đất nhúc nhích từng cục, một con rắn ồm nhom vùng góc chồm tới, góc đầu lên cao, phùng mang giống hình cái bàn nạo...”* [17:190-191]. Trong *Ngày hội ba khía*, tác giả miêu tả cảnh đêm vùng sông nước: *“Đêm ba mươi trời tối như mực. Nước ruộng chảy tràn qua vùng ven biển. Rừng cây mẫm đen ngòm trước mặt như bức tường thành”* [16: 164] ... Cách miêu

tả của nhà văn là đi sát với thực tế cuộc sống sinh động, vẽ lên những sự vật, sự việc trong tự nhiên một cách chân thực và cụ thể. Đặc biệt, nhà văn phát huy cao độ biện pháp so sánh và ngôn ngữ mang tính tạo hình. Chính điều này làm văn chương của nhà văn miệt vườn trở nên mượt mà và mang đậm chất thơ. Trong *Hòn Cổ Tron*, tác giả dùng phép so sánh để mô tả một cảnh biển lúc hoàng hôn ngoài hòn Cổ Tron: “Hoàng hôn tràn tới chính là lúc cảnh vật dưới biển ngời lên, bóng mây phản chiếu lấp lánh như gấm. Đêm về, trăng mọc. Nơi thủy cung rộn rịp nào kém chốn trần gian! Từng đợt rong chìm lững lờ mon tron khoác thêm lớp xiêm lụa mỏng cho bầy cá hường và muôn vì sao trên dải ngân hà sa xuống đậu lấm tẩm khắp nhánh san hô trắng bạc” [18: 228]. Một đoạn văn miêu tả đặc sắc, vừa sử dụng nhuần nhuyễn các biện pháp tu từ nhân hóa, so sánh, liên tưởng... để tạo nên một bức tranh hoàng hôn trên biển lộng lẫy và thơ mộng. Ở *Hương rừng*, tác giả so sánh: “Con rạch quá nhỏ, uốn ngoằn ngoèo như ruột ngựa nối liền qua những lung, tròn méo như mấy cái bao tử, gan, lá lách...” [18: 274]. Cách so sánh gần gũi, đời thường, tạo sự thú vị cho cách hành văn của nhà văn. Lời văn Sơn Nam mộc mạc, giản dị như văn nói chuyện hàng ngày của người Nam Bộ nhưng cũng nhờ đó mà văn của ông giàu sức biểu cảm, có sức hấp dẫn đặc biệt với người đọc, nhất là độc giả Nam Bộ.

Đặc điểm thứ hai là Sơn Nam đã dùng *lớp từ ngữ của phương ngữ Nam Bộ* để kể chuyện hoặc miêu tả. Từ ngữ mang đặc trưng của vùng miền, những từ ngữ này là những từ ngữ chỉ xuất hiện ở một địa phương nhất định hoặc những từ ngữ được nói trại đi bởi hình thức biến âm so với từ ngữ chuẩn toàn dân.

Những từ ngữ đặc trưng của vùng miền như lớp từ định danh chỉ xuất hiện ở vùng đất miền Nam chẳng chịt kênh rạch trong truyện Sơn Nam như: giáp nước, kinh xáng, xáng múc, xuồng, tắc ráng, nước lớn, nước đứng, nước ròng, ngọn nước, cầu khí, cái trấp... Chẳng hạn, “Ngồi trên chòi như ngồi giữa cù lao, ngoài biển” (*Ruộng Lò Bom*), “chỗ này kêu là giáp nước do Tây đào “kinh xáng” gây ra” (*Vet lục bình*), “Trong rừng có sẵn nhiều ao, nhiều lung, sáu cử gom vào đó mà lập căn cứ, sinh con đẻ cái” (*Bắt sáu rừng U Minh Hạ*)... Những từ ngữ chỉ thực vật như: bần, bông bong, bòn bòn, bình bát, cóc kèn, gừa, huê xà, dây choại, lá cách, lác, mắ, mốp, lút, mù u, năn, ô rô, thao lao tràm, vet... : “Hai bên bờ rạch, cây mắ, cây vet mọc um tùm” (*Con cá chết đại*), “Chung quanh là cánh đồng cò bay thẳng cánh nhưng đây năn, kim, ô rô, cò ống” (*Bác vật xà bông*), “Hắn leo lên cây thao lao, một tay vịn nhánh cây, một tay nắm quai chiếc va li” (*Cái va li bí mật*)...

Những từ ngữ chỉ sự vật được nhà văn sử dụng nhuần nhuyễn và điêu luyện như: đòn ca, quòn, cá quả, muông, bóp, cà rá, cà ròn, nóp...: “Be ghe khẳ, ngang mí nước, tưởng chừng xé xích một phân nữa là chìm” (*Chiếc ghe ngo*), “Sau mấy năm xây nò gần bãi gọi là nò cạn, Hai Nhiệm gom góp vốn liếng...” (*Con bà Tám*), “cà ròn bán có giá. Họ chịu mua tám xu một cái...” (*Ông Bang cà ròn*)... Ngoài ra, những từ ngữ miêu tả cách sinh hoạt, cách ăn nói của người Nam Bộ cũng thường xuyên xuất hiện nhiều trong tác phẩm Sơn Nam: lặn hụp, rồ rồ, hưỡn binh, tuần hườn, vô doan, rần rồ, thôi lui, cà nhắc, bỏ tróc, bỏ ráp, cục cựa, cật, chàng ràng, chém vè, chịu trận... có thể thấy xuất hiện trong nhiều tác phẩm: “Đùng chàng ràng hỏi tới hỏi lui”

(*Con sấu cuối cùng*), “Chờ cơ hội “chép vè” há?” (Ngó lên *Sở Thượng*), “Tôi sẽ cắt một cái xương lớn. Thời Trời giúp tôi” (*Bác vật xà bông*)... Đặc biệt, tác giả sử dụng hệ thống phương ngữ Nam Bộ để kể về những câu chuyện, những vấn đề, những sự kiện gần gũi với cuộc sống hàng ngày do đó truyện Sơn Nam dễ hiểu, dễ tiếp nhận đối với độc giả, nhất là đối với độc giả miền Nam. Trong *Đại chiến với thầy Chà*, một cuộc đối thoại thú vị với những từ ngữ địa phương giữa Chòi Mui và Năm Pho: «Ông Chòi Mui lờm Năm Pho: - Bộ mày muốn xúi tao đánh nó giết thuốc rê hả? Nghèo, phải ráng chịu. Không bao giờ tao làm chuyện sái với lương tâm/- Ông đừng nóng. Để thùng thảng tôi nói. Thầy Chà này không bán thuốc rê. Nó bán vãi./- Bộ nó khùng sao? Nhè tháng mưa này không có gạo nấu, ai lại mua vãi» [18: 53].

Những từ *lờm, xúi, sái, thùng thảng, nhè...* là những từ địa phương Nam Bộ cùng với giọng điệu chậm rãi thông thả khiến cho câu chuyện gần gũi, nó góp phần tạo nên phong cách riêng biệt của nhà văn.

Những từ ngữ địa phương xuất hiện dày đặc trong tác phẩm Sơn Nam tạo nên một văn phong đặc biệt “viết như nói” nhưng không vì thế mà văn của ông vụn vặt. Ngược lại, sự kết hợp hài hòa giữa ngôn ngữ toàn dân và lớp phương ngữ Nam Bộ làm cho câu văn của ông mượt mà, gợi cảm. Ghi nhận sự thành công của Sơn Nam cho sự phát triển của văn xuôi Nam Bộ trong việc khai thác và sử dụng phương ngữ, xin dẫn lời của nhà nghiên cứu Trần Hữu Dũng “... nếu dùng đúng chỗ, trong tay một tác giả cẩn trọng, phương ngữ mặc miền Nam, giọng điệu dân dã miền Nam hoàn toàn có khả năng cấu tạo một nhánh văn chương đặc biệt, không giống, nhưng chuẩn mực không kém những miền

khác. Mỗi truyện (...) là một bữa ăn văn chương thịnh soạn dọn bày chu đáo, gồm toàn đặc sản miệt vườn, với những vật liệu hảo hạng, tươi sống” [1].

4. Vận dụng văn học dân gian vào sáng tác

Để trang viết của mình đến với công chúng độc giả, Sơn Nam chú ý sử dụng lời ăn tiếng nói của người bình dân Nam Bộ. Điều này làm nên đặc điểm thứ ba trong phong cách nghệ thuật văn xuôi Sơn Nam là vận dụng nhiều thành ngữ, tục ngữ, ca dao, những câu hò, đối đáp Nam Bộ. Sơn Nam dùng thành ngữ để miêu tả quê hương miền Nam thời khẩn hoang. Trong hồi ký, nhà văn viết: “Nhìn chung quanh quả là tứ bề hùng vĩ, đồi núi và đầm lầy hữu tình, chung quanh đồi lớn nhỏ là đầm lầy” [15: 132]; Có những thành ngữ diễn tả về hiện thực cuộc sống như trong Một kiểu anh hùng, để mô tả sự tranh chấp giữa hai nhân vật có máu mặt trong vùng “Mình không cần dùng kế “điều hổ ly sơn” [19:32], hoặc “lưỡng xà tranh liễu” (hai chân người ví như hai con rắn giành gốc liễu) [19:32]; trong Ăn to xài lớn, thầy giáo Trích đến rầy Tân Bằng được mọi người chào đón: “Nếu không nguy biến thì bọn anh hùng như chúng tôi đâu có được hân hạnh gặp mặt thầy giáo tại đất khi ho cò gáy này” [17: 28]; Ngoài ra, có khi tác giả sử dụng hàng loạt thành ngữ trong cùng một lúc để nhấn mạnh như trong *Con Bầy đưa đò*. Khi con Bầy từ chối tình cảm của con trai ông Hương áp, những lời mỉa mai, chỉ trích không thương tiếc của dân trong xóm nhằm vào nó: “Ừ Trời cao có mắt. Cao hơn tấc hữu cao hơn trạ. Trèo cao té nặng, Ngó cao đau ót” [17:238] hay “Phải tương kế tựu kế, áp dụng triệt để câu quân tử tham tài, tiểu nhân tham thực” (Chiếc va li bí mật) [17:145]... Việc sử dụng thành ngữ là

yếu tố góp phần thể hiện tính khẩu ngữ trong tác phẩm văn học. Đặc trưng của thành ngữ có tính hình tượng và tính khái quát cao trong miêu tả hiện thực cuộc sống nhưng đồng thời nó cũng rất gần gũi với lời ăn tiếng nói của người Nam Bộ. Do vậy, sử dụng thành ngữ cũng là một đặc điểm riêng biệt của nhà văn vùng đất mới này.

Bên cạnh việc sử dụng thành ngữ, Sơn Nam còn thành công trong việc sử dụng ca dao hay những câu hò vào những tác phẩm của mình. Trong nhiều tác phẩm, tác giả vận dụng khéo léo những câu ca dao, câu hát, câu hò Nam Bộ. Trong *Vạch một chân trời*, nhân vật Hai Tam, khi đưa xuồng rẽ sóng ngang qua nhà cô gái anh đang để ý, cất tiếng hát giữa trưa nắng: “*Đố ai quét sạch lá rừng,/ Để ta khuyến gió, gió đừng rung cây./ Đố ai biết lúa mấy cây...*” [7: 66]. Trong truyện *Cô út về rừng*, tác giả đề từ bằng một câu ca dao quen thuộc để nói lên tâm lòng của người cha, người mẹ phải bầm bụng gả con đi xa: “*Má ơi đừng gả con xa/ Chim kêu vượn hú biết nhà má đâu*” [18: 39]. Câu ca dao là ước mơ của cha mẹ mong được gả con gái về đất vườn trù phú, giàu có, nơi “sinh hoạt vật chất và tinh thần cao nhất”.

Ở Nam Bộ, để con gái có thể sương tằm thân, không ai muốn con gái phải đi về vùng đất xa xôi mà nhà văn đã từng mô tả trong các tác phẩm của mình: “*Xứ đâu như xứ Cạnh Đèn/ Muỗi kêu như sáo thổi, đũa lênh như bánh canh*” [18: 41] để phải khổ sở, vất vả... Không chỉ ca dao, những câu hò Nam Bộ cũng được Sơn Nam sử dụng vào tác phẩm. Những câu hát dân gian, rõ nhất là những câu hò đối đáp giữa nam – nữ trên những con sông hay trên những cánh đồng bát ngát, người ta thường hò để chọc ghẹo nhau hay chỉ để bớt cô đơn khi chèo xuồng trên sông một mình. Nếu có ai

ở đâu đó nghe và đáp lại thì càng vui, còn không cũng làm cho người hò bớt đi cái cảm giác cô độc khi một mình trên sông vắng. Lời hát được lấy từ nguồn văn học dân gian, những tích chuyện xưa mà Sơn Nam đã thu thập được. Điều này, góp phần làm cho những câu chuyện của ông trở nên sinh động và hấp dẫn. Trong tiểu thuyết *Xóm Bàu Láng*, khi lênh đênh trên con xuồng cùng với thằng Mến, lão Khăn Đen cất tiếng hò giả là kẻ giảng câu đêm khuya để tránh tai mắt của lính mã tà: “*Đền tọa đặng để trước bàn thờ/ Vặn lên nó tỏ,/ Vặn xuống nó lơ Xuống sông hỏi cá/ Lên bờ hỏi chim...*”. Không chỉ lão hò, lão còn khuyến khích thằng Mến hát lên cho vui, cho đỡ sợ “- Vui thì hát lên cho tỉnh táo. Nhờ tao hát, hỏi này mà tụi nó không nghi ngờ. Hát thử coi đừng sợ”... thằng Mến lúc đầu còn e ngại nhưng khi nghe những lời động viên của lão Khăn Đen, nó cũng cất lên đáp lại: “*Xuống sông hỏi cá/ Lên bờ hỏi chim/ Trách ai làm cho thố nọ xa tiềm/ Em xa người nghĩa mà làm điềm chiêm bao*” (*Xóm Bàu Láng*: 319).

Ngoài ra, nhà văn dành cả một truyện ngắn *Con Báy đưa đồ* để viết về hình thức hò đối đáp Nam Bộ trên sông. Khi chàng trai hò có tính ướm hỏi “*Nước chảy xuôi, con cá buôi nó lội ngược/ Nước chảy ngược, con cá nước nó lội theo/ Anh than với em rằng số phận anh nghèo,/ Đũa tre đâu dám đánh đèo với đũa mun.*” thì cô gái lãnh lớt đáp lại một cách thông minh và dí dỏm “*Trên lầu kia có tiếng chuông đánh rộ,/ Dưới nhà việc trống để tàn canh/ Em đây lịch sự chi đó mà đi đâu năm bảy người giành?/ Giá như con cá kia ở chợ, dạ ai đành nấy mua.*” [17: 240– 241]. Bên trai, bên gái chọc ghẹo nhau cũng là hình thức giao duyên với nhau, nếu tâm đầu ý hợp có thể nhờ cậy mai mối để kết tình

chồng vợ. Đây là một nét đẹp văn hóa của người Nam Bộ từ thời khẩn hoang cho đến ngày nay.

Trở lên trên, bài viết trình bày sự thành công của ngòi bút Sơn Nam trong việc sử dụng thành ngữ, ca dao, dân ca... cho tác phẩm của mình. Mỗi câu thành ngữ, một lời hát được vận dụng đúng nơi, đúng chỗ tạo nên nét riêng biệt và độc đáo không lẫn được với bất cứ nhà văn nào. Điều này làm nên một phong cách đẹp trong mảng văn học Nam Bộ nói riêng cũng như văn học dân tộc nói chung.

Nhìn chung, ngôn ngữ Sơn Nam là ngôn ngữ dung dị, mộc mạc, đậm chất Nam Bộ, cách hành văn trong sáng, rõ ý, vận dụng thành ngữ, tục ngữ, ca dao, lời hát, câu hò... linh hoạt, sáng tạo đã tạo nên vẻ đẹp, sức hấp dẫn trong văn xuôi của nhà văn miệt vườn.

Từ cuộc sống đơn giản, đời thường, nhà văn đã tìm ra cái lớn lao, cái toàn cảnh chuyển động của xã hội. Đây chính là phong cách riêng của Sơn Nam trong vấn đề phản ánh lịch sử. Bằng sự tài hoa và tinh tế của ngòi bút của nhà “Nam Bộ học”, Sơn Nam liên kết những sự kiện đời thường với con người bình dân tạo thành một bức tranh lịch sử hào hùng làm nổi bật “hào khí Nam Bộ”: Lịch sử khẩn hoang và lịch sử chống ngoại xâm của miền Nam.

Với bút pháp tài hoa, cách kể chuyện độc đáo với giọng điệu đa dạng, ngôn từ đậm chất địa phương Nam Bộ, tác phẩm của Sơn Nam đã làm cho những câu chuyện bình thường trở nên hấp dẫn. Đây chính là tài năng của nhà văn, ông đã tìm ra một hướng đi cho riêng mình. Những sinh hoạt đời thường đó được nhà văn khai thác từ góc độ văn hóa khiến cho không những người đọc vùng Tây Nam Bộ yêu thích mà ngay cả độc giả thành phố cũng quan tâm và mê mẩn qua bao thế hệ.

5. Kết luận

Sơn Nam là ngòi bút có nhiều đóng góp cho nền văn xuôi hiện đại. Khảo sát văn xuôi Sơn Nam, chúng ta có thể nói rằng **cảm quan văn hóa Nam Bộ** là hạt nhân phong cách nghệ thuật Sơn Nam. Đó cũng là hướng nhà văn chọn đề tài, khai thác, phản ánh đời sống hiện thực, xây dựng chủ đề, nội dung tư tưởng tác phẩm, sáng tạo thế giới nhân vật, cấu trúc câu văn, sử dụng ngôn ngữ... để từ đó khẳng định phong cách nghệ thuật nhà văn. Từ khi cầm bút, ông đã tìm cho mình một hướng đi nghệ thuật riêng biệt. Nhà văn đã tự “*tìm thấy mình và độc giả cũng tìm thấy ông như một gương mặt nhà văn độc đáo*” [Đoàn Trọng Huy: 2002]. Sơn Nam đã tạo dựng cho mình một chỗ đứng trang trọng trên văn đàn cũng như nền văn học dân tộc nhờ dấu ấn phong cách độc đáo của ông.

THE EXCELLENT AND TYPICAL FEATURES IN SON NAM ARTISTIC PROSE

Le Thi Ngan Trang

ABSTRACT

Son Nam is a writer who made great contributions to Vietnam modern prose. The inspiration of Vietnam Southern cultural plays a crucial role in Son Nam's artistic style. Thus, It controls and creates the Son Nam unique artistic prose writing style. This article mentions excellent and typical features in Son Nam artistic prose including his skillful writing style and his unique tone that makes up a simply fascinating way of story telling.

Not only was the abundant and diverse tones alternatively and seamlessly applied in his creations but also Vietnam Southern idioms, folk and accents as well. This make Son Nam Prose unique in national literature.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Hoàng Lâm (1991), *Trò chuyện với nhà văn Sơn Nam*, Tạp chí Văn nghệ, 16/02/2004.
- [2]. Kiên Giang – Hà Huy Hà (2008), *Tình nghĩa giáo khoa thư trong tâm hồn nhà văn Sơn Nam*, Tạp chí Xưa & Nay, số 314, tháng 8/2008.
- [3]. Nguyễn Công Hoan (1977), *Trau dồi tiếng Việt – Hồi chuyện các nhà văn*, NXB Tác phẩm mới.
- [4]. Nguyễn Đăng Mạnh (2000), *Nhà văn Việt Nam hiện đại – chân dung và phong cách*, NXB Trẻ.
- [5]. Nguyễn Q. Thắng (sưu tầm, biên soạn, giới thiệu, 2008), *Văn học Việt Nam - nơi miền đất mới*, NXB Văn học.
- [6]. Phan Hoàng (1998), "Sơn Nam - nhà văn, nhà Nam Bộ học", in trong *Phỏng vấn người Sài Gòn*, NXB Trẻ.
- [7]. Phan Quang (2014), *Bút ký đồng bằng Sông Cửu Long*, NXB Lao Động.
- [8]. Sơn Nam (2006), *4 truyện vừa*, NXB Trẻ.
- [9]. Sơn Nam (2006), *Hương quê, Tây đầu đỏ & Một số truyện ngắn khác*, NXB Trẻ.
- [10]. Sơn Nam (2006), *Vạch một chân trời - Chim quỳên xuống đất*, NXB Trẻ.
- [11]. Sơn Nam (2007), *Bà Chúa Hòn*, NXB Trẻ.
- [12]. Sơn Nam (2007), *Sài Gòn xưa - Ấn tượng 300 năm - Tiếp cận với đồng bằng sông Cửu Long*, NXB Trẻ.
- [13]. Sơn Nam (2008), *Đi và ghi nhớ*, NXB Văn hóa Sài Gòn.
- [14]. Sơn Nam (2008), *Xóm Bàu Láng*, NXB Trẻ.
- [15]. Sơn Nam (2009), *Biển cỏ miền Tây và hình bóng cũ*, NXB Trẻ.
- [16]. Sơn Nam (2009), *Đạo chơi – Tuổi già*, NXB Trẻ.
- [17]. Sơn Nam (2009), *Hồi ký*, NXB Trẻ.
- [18]. Sơn Nam (2011), *Hương rừng Cà Mau*, tập 1, NXB Trẻ.
- [19]. Sơn Nam (2012), *Hương rừng Cà Mau*, tập 2, NXB Trẻ.
- [20]. Sơn Nam (2012), *Hương rừng Cà Mau*, tập 3, NXB Trẻ.
- [21]. Trần Hữu Dũng (2004), *Nguyễn Ngọc Tư đặc sản miền Nam*, www.viet-studies.info/NNTu.
- [22]. Võ Văn Thành (2013), *Văn hóa Nam Bộ qua cái nhìn của Sơn Nam*, NXB Trẻ.

- Ngày nhận bài: 15/5/2016
- Chấp nhận đăng: 10/7/2016

Liên hệ: Lê Thị Ngân Trang

Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam

Email: songaudl@yahoo.com